TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/HC-ST
Ngày 22/11/2019
V/v khiếu kiện QĐHC trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Hải Minh

- *Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Phạm Bá Xanh và ông Hồ Bá Võ

***Thư ký phiên toà*:** Bà Đậu Thị Bích Thủy - Thẩm tra viên -Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Trần Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 22/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số 92/2019/HCST ngày 10/6/2019 về việc hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 82a/2019/QĐST- HC ngày 12 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Chu Thanh B, sinh năm 1949

Địa chỉ: Khối Y, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt

Người bị kiện: - Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An

- Ủy ban nhân dân thành phố V

Địa chỉ số 25, đường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Sỹ C – Chức vụ: Phó Chủ tịch (theo Quyết định ủy quyền số 4143/QĐ-UBND ngày 15/7/2019).(Có đơn xin xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ UBND phường H, Tp. V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Xuân N – chức vụ: Phó chủ tịch. (Vắng mặt)

+ Bà Phan Thị V (tên gọi khác V1), sinh năm 1955; địa chỉ: Khối Y, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2003, gia đình ông Chu Thanh B được Ủy ban nhân dân thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 215263 ngày 11/7/2003 với diện tích 497,48m^2, trong đó diện tích đất ở là 150m^2, diện tích đất vườn là 347,48m^2 tại thửa số 07, tờ bản đồ số 17 thuộc khối Y, phường H. Thời hạn trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện là lâu dài.

Tháng 4 năm 2017, gia đình ông Chu Thanh B thực hiện tách thửa chuyển nhượng một phần diện tích đất đối với thửa đất số 07, tờ bản đồ số 17, diện tích 497,48m^2. Sau khi thực hiện các thủ tục, ngày 14/6/2017, Ủy ban nhân dân thành phố V đã cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mã số CH443585 cho ông Chu Thanh B – bà Phan Thị V tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 17, diện tích 375,5m^2 trong đó diện tích 150m^2 là đất ở, diện tích 225,5m^2 là đất trồng cây lâu năm (vườn): sử dụng đến ngày 11/7/2053. Ông B cho rằng việc ghi diện tích 225,5m^2 là đất trồng cây lâu năm (vườn): sử dụng đến ngày 11/7/2053 là không đúng quy định nên ông B đã làm đơn khiếu nại. Ngày 21/6/2018 Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố vinh ban hành quyết định số 3588/QĐ-UBND. Ông B không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V nên ngày 03/4/2019 ông B đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An yêu cầu giải quyết: Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 3588/QĐ-UBND ngày 21/6/2018 của UBND thành phố V và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mã số CH443585 cho ông Chu Thanh B – bà Phan Thị V tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 17, khối Y, phường H.

Lý do khởi kiện: Đất của ông không thuộc các khoản 2,3,4,5 và 6 Điều 103 Luật đất đai mà thuộc vào khoản 1 Điều 103 Luật đất đai. Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2003 ghi rõ tổng diện tích 497,48m^2 trong đó 150m^2 đất ở và 347,48m^2 đất vườn thời hạn sử dụng lâu dài. Số diện tích đất vườn 347,48m2 (không có ao) ghi thời hạn sử dụng lâu dài không có trong danh

mục khoản 1 Điều 19 Luật đất đai 2013 mà thuộc khoản 2 điều 10.

Theo ông B, đất của gia đình ông là đất ở đô thị quy định tại khoản 1 Điều 144 Luật đất đai và đủ căn cứ xác định là đất ở theo khoản 1 Điều 103 Luật đất đai 2013. Có nghĩa đất của ông không phải là đất nông nghiệp sử dụng có thời hạn như GCNQSD đất mà UBND thành phố V cấp cho gia đình ông. Ngoài ra, ngày 30/5/1989 UBND xã H ra Quyết định số 12 cho phép gia đình ông sử dụng 250m^2 đất vườn của bà T. Năm 1985 bà T nhường lại cho ông dải đất 87m^2 (hình nòng súng). Năm 2003 bà M nhường lại cho ông 160,48m^2. Ngày 01/7/2003 ông được cấp GCNQSD đất trong đó 150m^2 đất ở không phải nộp tiền sử dụng đất 87m^2 phát sinh trước năm 1993 theo quy định khi đó cũng không phải nạp tiền sử dụng đất, 160,48m^2 phát sinh sau năm 1993 phải nộp tiền sử dụng đất là 2.276.000 đồng. Như vậy ông không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với đất vườn của mình.

Phía người đại diện cho người bị kiện trình bày: Về trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V đã thực hiện đúng quy định theo pháp luật. Về nội dung: theo quy định tại khoản 1 Điều 103 Luật đất đai 2013 thì phần diện tích đất vườn của ông Chu Thanh B trong cùng thửa đất đang ở. Nếu ông B có nhu cầu được đề nghị công nhận đất ở thì thực hiện việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào mục đích đất ở và phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Theo khoản 6 Điều 103 luật đất đai 2013 thì diện tích đất còn lại sau khi đã xác định đất ở thì được xác định vào mục đích đang sử dụng quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật đất đai 2013. Việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B sau khi thực hiện tách thửa, chuyển mục đích, chuyển nhượng 01 phần nên việc cấp đổi thực hiện theo quy định của Luật đất đai 2013. Căn cứ quy định tại điểm đ, khoản 7, điều 6 Thông tư 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ tài nguyên và môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, để thể hiện thời hạn sử dụng đối với thửa đất của gia đình ông Bình, trong đó đất trồng cây lâu năm (vườn) có thời hạn 50 năm kể từ ngày

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu. Do đó, việc ông B yêu cầu cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải thể hiện đất vườn có thời hạn lâu dài là không có cơ sở. Thời điểm đó ông B nộp tiền đất vườn chứ không phải đất ở nên khi chuyển nhượng đất thì phải đóng thuế chuyển đổi mục đích đất ở là đúng quy định. Vì vậy, UBND thành phố V giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 3588/QĐ-UBND ngày 21/6/2018.

Phía người đại diện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường H trình bày: Việc cấp đổi giấy chứng nhận cho ông Chu Thanh B là theo quy định của pháp luật.Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình đối thoại, các bên đương sự giữ nguyên quan điểm của mình.

Tại phiên tòa, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại theo quy định của pháp luật; Việc tranh tụng tại phiên toà của Hội đồng xét xử được tiến hành đúng theo quy định của Luật tố tụng Hành chính. Người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cơ bản đã thực hiện và chấp hành quyền, nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Chu Thanh B đề nghị Tòa án Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 3588/QĐ-UBND ngày 21/6/2018 của UBND thành phố V và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mã số CH443585 cho ông Chu Thanh B – bà Phan Thị V tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 17, khối Y, phường H.

Về án phí: Ông Chu Thanh B được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát và các đương sự, các quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định của Luật tố tụng Hành chính, thu thập tài liệu chứng cứ, mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, đối thoại và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tòa án đưa vụ án ra xét xử ngày 12/10/2019 do các đương sự vắng mặt nên đã hoãn phiên tòa. Tòa án mở tiếp phiên tòa hồi 08 giờ 00 phút ngày 22 /11/2019, đã tống đạt hợp lệ cho các đương sự.

Người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và người có quyền lợi liên quan không có đơn yêu cầu độc lập không có người đại diện tham gia phiên tòa, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về đối tượng thẩm quyền khởi kiện: Quyết định số 3588/ QĐ - UBND ngày 21/6/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại của ông Chu Thanh B.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 443585 ngày 14/6/2017 do UBND thành phố V cấp cho ông Chu Thanh B, bà Phan Thị V.

Là những quyết định hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 03/4/2019 ông Chu Thanh B làm đơn khởi kiện vụ án hành chính với nội dung: Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 3588/QĐ-UBND ngày 21/6/2018 của UBND thành phố V, thì đang trong thời hiệu khởi kiện theo điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng Hành chính. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết là đúng khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng Hành chính.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mã số CH443585 cho ông Chu Thanh B – bà Phan Thị V tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 17, khối Y, phường H đã hết thời hiệu khởi kiện nhưng là Quyết định hành chính liên quan nên phải xem xét theo Điều 193 Luật tố tụng Hành chính.

[4] Xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị khởi kiện:

[4.1] Đối với Quyết định số 3588/QĐ-UBND ngày 21/6/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại của ông Chu Thanh B (gọi tắt Quyết định số 3588/QĐ-UBND)

-Về trình tự thủ tục ban hành Quyết định số 3588/QĐ-UBND: Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông Chu Thanh B, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An đã thành lập Đoàn xác minh và tiến hành kiểm tra, rà soát, xác minh nội dung khiếu nại. Trên cơ sở báo cáo Đoàn xác minh về kết quả kiểm tra xác minh khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định số 3588/QĐ-UBND là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền được

quy định tại Điều 18, Điều 31 Luật Khiếu nại và Điều 204 Luật Đất đai năm 2013.

- Về nội dung Quyết định số 3588/QĐ-UBND thể hiện ông Chu Thanh B khiếu nại nội dung: Việc Ủy ban nhân dân thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mã số CH443585 cho ông Chu Thanh B – bà Phan Thị V tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 17, diện tích 375,5m^2 trong đó diện tích 150m^2 là đất ở, diện tích 225,5m^2 là đất trồng cây lâu năm (vườn): sử dụng đến ngày 11/7/2053 là không đúng quy định pháp luật. Yêu cầu cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho gia đình ông trong đó phải thể hiện diện tích đất vườn có thời hạn sử dụng lâu dài.

Xét thấy, Hồ sơ đất thể hiện:

Theo Bản đồ năm 1993, đất ông B là thửa đất số 103, tờ bản đồ số 8, diện tích 344m^2, đất của bà T là thửa 102, diện tích 2.074m^2. Bản đồ đo đạc năm 2001, ông B sử dụng thửa đất số 7, tờ bản đồ số 17, diện tích 382m^2.

Về nguồn gốc đất: Đất của ông B có nguồn gốc đất là đất được Ủy ban nhân dân xã H giao năm 1983, từ một phần diện tích đất vườn của bà T. Mặc dù thửa đất của bà T có nguồn gốc trước năm 1980. Sau khi được giao ông B mới xây dựng nhà và sử dụng từ đó đến nay. Tuy nhiên, bà T đã được Ủy ban nhân dân thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 2.680,8m^2 (Tổng diện tích cấp Giấy chứng nhận đã vượt quá 5 lần hạn mức công nhận đất ở trên địa bàn thành phố V). Do đó thửa đất của ông B có mục đích sử dụng vào mục đích đất ở từ năm 1983 nên không có cơ sở để công nhận lại toàn bộ diện tích thửa đất sử dụng vào mục đích đất ở trước ngày 18/12/1980.

Theo Hồ sơ cấp đất lần đầu của ông Chu Thanh B - bà Phan Thị V: Ngày 30/5/1983, Ủy ban nhân dân xã H có Quyết định số 12 cấp đất cho bà Phan Thị V được sử dụng khoảng đất diện tích 250m^2 loại đất vườn, xứ đồng: Vườn bà T.

Theo Phiếu thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ban tổ chức thực hiện Nghị định 60/CP ngày 25/4/2013: Diện tích tăng 247,48m^2 (trong đó 160,48m^2 tăng sau năm 1993 và 87m^2 tăng năm 1983).

Như vậy, đối với diện tích 247,48m^2 tăng so với giấy tờ cấp đất thì diện tích 87m^2 tăng năm 1983, do tại thời điểm cấp đất năm 1983 chưa có quy định về thu tiền sử dụng đất ở nên ông B không phải nộp tiền sử dụng đất, còn đối với diện tích 160,48m^2 tăng sau năm 1993 phải nộp tiền sử dụng đất là đúng quy định tại Điều 4, Điều 8 của Quyết định 102/QĐ-UBND ngày 31/10/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.

Thửa đất của ông Chu Thanh B là đất được Ủy ban nhân dân xã H cấp có giấy tờ năm 1983. Năm 2003 ông B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất diện tích 497,48m^2 trong đó có 150m^2 đất ở và 347,48m^2. Theo quy định tại khoản 1 Điều 103 Luật đất đai 2013 thì phần diện tích đất vườn của ông Chu Thanh B nằm trong cùng một thửa đất đang có nhà ở. Vì vậy, nếu ông B có nhu cầu được đề nghị công nhận đất ở thì phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định tại khoản 4, điều 24 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Tuy nhiên, năm 2017 tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông B không có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đối với phần diện tích đất vườn sang đất ở nên phần diện tích 225,5m^2 đất vườn của ông B không đủ điều kiện công nhận đất ở.

Theo khoản 1 Điều 103 thì phần diện tích đất vườn của ông Chu Thanh B trong cùng thửa đất đang có nhà ở. Năm 2017, ông Chu Thanh B, bà Phan Thị V chuyển nhượng diện tích 122m^2 đất vườn cho ông Ngô Đức L, bà Phan Thị Hải Y. Như vậy, diện tích còn lại là 375,5m^2 trong đó có 150m^2 là đất ở; 225,5m^2 đất vườn. Căn cứ khoản 6 Điều 103 Luật đất đai năm 2013 quy định: Phần diện tích đất vườn, ao còn lại sau khi đã xác định diện tích đất ở theo quy định tại các khoản 2,3,4 và 5 của điều này thì được xác định sử dụng vào mục đích hiện trạng đang sử dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 10. Tại Điều 15 Quyết định 49/2014/QĐ - UBND ngày 19/8/2014 của UBND tỉnh Nghệ An quy định: Xác định diện tích đất ở đối với trường hợp thửa đất có vườn, ao được hình thành từ ngày 18/12/1980 đến trước ngày 01/7/2004 thì thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4,5 Điều 103 và Điều 24 Nghị định 43/2014/NĐ - CP trong đó Mục 4 quy định: Phần diện tích đất vườn, ao còn lại sau khi đã xác định diện tích đất ở theo quy định tại các khoản 1,2,3 điều này thì được xác định sử dụng vào mục đích hiện trạng đang sử dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật đất đai. Trường hợp hộ gia đình, các nhân có nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở thì thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Do đó, phần diện tích 225,5m^2 đất trồng cây lâu năm (vườn) của ông Chu Thanh B thuộc nhóm đất nông nghiệp.

Căn điểm d khoản 7 Điều 6, Thông tư 23/2014/TT_ BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để thể hiện thời hạn sử dụng đất đối với thửa đất gia đình ông B, trong đó đất trồng cây lâu năm có thời hạn 50 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu (ngày 11/7/2003). Do đó, UBND thành phố V cấp GCNQSDĐ , quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH443585 ngày 14/6/2017 cho ông Chu Thanh B, bà Phan Thị V tại thửa 69, tờ bản đồ số 17, diện tích 375,5m^2, trong đó có 150m^2 là đất ở, thời hạn lâu dài và 222,5m^2 đất trồng cây lâu năm (vườn) thời hạn sử dụng đến ngày 11/7/2053 là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa và trong quá trình đối thoại ông B cho rằng toàn bộ diện tích đất 375,5m^2 phải được công nhận là đất ở theo khoản 1 Điều 103 Luật đất đai và không phải thực

hiện nghĩa vụ tài chính là không đúng các quy định của pháp luật đã viễn dẫn.

[4.2] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH443585 ngày 14/6/2017 do UBND thành phố V cấp cho ông Chu Thanh B và bà Phan Thị V.

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành :

Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B và bà V theo quy định tại Điều 105 Luật đất đai là đúng quy định pháp luật.

-Về cơ sở pháp lý:

Quyết định cấp Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khắc gắn liền với đất số CH443585 ngày 14/6/2017 do UBND thành phố V cấp cho ông Chu Thanh B, bà Phan Thị V được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục và đảm bảo đúng quy định pháp luật.Vì vậy, Quyết định số 3588 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại ông Chu Thanh B về việc cấp đổi Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khắc gắn liền với đất nêu trên đảm bảo cơ sở pháp lý.

Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 3588/QĐ - UBND của người khởi kiện.

[5] Về án phí: Do ông B là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 30;Khoản 4 Điều 32; điểm a Khoản 2, điểm a Khoản 3 Điều 116; Khoản 1, điểm a Khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Căn cứ Điều 18, 27, 28, 29, 31 Luật khiếu nại; khoản 1, khoản 6 Điều 103, Điều 126, Điều 204 Luật đất đai năm 2013; Điều 24, Điều 79 Nghị định 43/2014/NĐ - CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; điểm d khoản 7 Điều 6 Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT quy định về GCNQSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; khoản 4 Điều 15 Quyết định số 49/2014/QĐ-UBND ngày 19/8/2014 của UBND tỉnh Nghệ An.

Căn cứ Điều 348 Luật tố tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Chu Thanh B về:

- Hủy Quyết định số 3588/ QĐ - UBND ngày 21/6/2018 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố V về giải quyết khiếu nại của ông Chu Thanh B.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH443585 ngày 14/6/2017 do UBND thành phố V cấp cho ông Chu Thanh B và bà Phan Thị V.

Về án phí: Ông Chu Thanh B được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

Người khởi kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp cao trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hải Minh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân | Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Bá Võ Phạm Bá Xanh | Nguyễn Thị Hải Minh